

Số: 376/QĐ-VKS

Kon Tum, ngày 11 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán NSNN năm 2025

Căn cứ Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC, ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC, ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC, ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 120/QĐ-VKS, ngày 20/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 260/QĐ-VKS, ngày 16/04/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 (Đợt 1);

Căn cứ Quyết định số 368/QĐ-VKS, ngày 10/06/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 (Đợt 2);

Theo đề nghị của Chánh văn phòng.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công bố công khai số liệu điều chỉnh dự toán NSNN năm 2025 cho toàn thể cán bộ, công chức và người lao động trong đơn vị.

(Có biểu số 02 kèm theo)

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Chánh Văn phòng, bộ phận kế toán chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Viện;
- Các phòng nghiệp vụ;
- Website;
- Lưu.

 **VIỆN TRƯỞNG**

Phan Minh Cự

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 376/QĐ-VKS, ngày 12/6/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum)
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

ĐV tính: Nghìn đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí ...	
	Phí ...	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí ...	
	Phí ...	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	(2.304.651)
I	Nguồn ngân sách trong nước	(2.304.651)
1	Chi quản lý hành chính	(2.304.651)
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	(2.162.551)
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	(142.100)
	Kinh phí đặc thù	
	KP tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	(142.100)
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	